

Số: 3256/2016/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc trang bị, quản lý, sử dụng điện thoại phục vụ công tác
đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập
sử dụng ngân sách thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội; Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg ngày 16/12/2002 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 168/2005/QĐ-TTg ngày 07/7/2005 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 160/TTr-STC ngày 20/12/2016; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 93/BCTĐ-STP ngày 09/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định về việc trang bị, quản lý, sử dụng điện thoại phục vụ công tác đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách thành phố.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng điện thoại phục vụ công tác.
2. Quy định được áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và đơn vị sự nghiệp công lập, cá nhân được trang bị điện thoại và thanh toán cước phí sử dụng ngân sách thành phố.
3. Việc trang bị điện thoại cố định đã được thực hiện theo Quyết định số 2919/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng thì không áp dụng Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc chung:

1. Việc trang bị điện thoại và mức thanh toán cước phí quy định tại quy định này là mức tối đa.
2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ thẩm quyền được phân cấp, quy định cụ thể cho cơ quan, đơn vị mình trong quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp thực tế hoạt động, yêu cầu công tác.

Điều 3. Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí trang bị và thanh toán cước phí sử dụng điện thoại sử dụng trong dự toán kinh phí hàng năm của đơn vị.

Điều 4. Trang bị và thanh toán cước phí điện thoại cho cán bộ:

1. Cán bộ được trang bị điện thoại cố định tại cơ quan, điện thoại công vụ: 01 máy điện thoại cố định tại nhà riêng và 01 máy điện thoại di động.

a) Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

Mức thanh toán máy cố định tại cơ quan theo thực tế sử dụng; khoán 300.000đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định nhà riêng và 500.000đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

b) Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Hải Phòng; Cán bộ giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 1,2 trở lên; Các giáo sư được Nhà nước Việt Nam trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (kể cả các giáo sư thuộc đối tượng trên đã nghỉ hưu nhưng còn làm chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước hoặc cấp Bộ):

Mức thanh toán theo thực tế sử dụng không quá 400.000 đồng/máy/tháng đối với máy cố định tại cơ quan; mức khoán 200.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định nhà riêng và 400.000/máy/tháng đối với điện thoại di động.

Riêng Phó bí thư Thành ủy mức thanh toán cước điện thoại cố định tại cơ quan và nhà riêng áp dụng như Điểm a Khoản 1 điều này.

c) Giám đốc Sở, Trưởng Ban, ngành thành phố thuộc Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và lãnh đạo cấp tương đương; Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

Mức thanh toán theo thực tế sử dụng không quá 250.000 đồng/máy/tháng đối với máy cố định tại cơ quan; mức khoán 100.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định nhà riêng và 250.000/máy/tháng đối với điện thoại di động.

2. Cán bộ cấp phó Sở, Ban, ngành thành phố thuộc Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và lãnh đạo cấp tương đương; Cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Thư ký đồng chí Bí thư Thành ủy, Thư ký đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

Mức thanh toán khoán điện thoại nhà riêng 100.000 đồng/máy/tháng.

3. Trang bị và thanh toán cước phí điện thoại di động cho cán bộ khác:

a) Đối với cán bộ thuộc các cơ quan nhà nước, các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định trang bị điện thoại di động cho các cán bộ khác nếu tính chất công việc cần thiết. Mức thanh toán cước phí khoán không quá 250.000 đồng/máy/tháng.

b) Đối với cán bộ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Trường hợp cần thiết phục vụ công việc, được thanh toán cước sử dụng điện thoại di động theo mức khoán không quá 250.000 đồng/ máy/tháng sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Sở chủ quản (hoặc tương đương), riêng kinh phí mua máy do cá nhân tự thanh toán.

4. Mức thanh toán cước điện thoại cố định tại cơ quan đối với các cán bộ khác được trang bị theo quy định tại Quyết định số 2919/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố, thanh toán theo thực tế sử dụng không quá 200.000 đồng/máy/tháng.

5. Các cán bộ được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động sau khi chuyển sang đảm nhận công tác mới không thuộc diện được trang bị điện thoại hoặc sau khi có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác thì không được thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại. Riêng cán bộ thuộc các điểm a, b

khoản 1 điều này được tiếp tục thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

Điều 5. Trang bị và thanh toán cước điện thoại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị:

1. Mức thanh toán chi phí trang bị ban đầu:

Mức chi thanh toán mua máy điện thoại di động không quá 3.000.000 đồng/máy. Trường hợp mua máy điện thoại có giá trị cao hơn, cá nhân tự thanh toán chi phí vượt mức.

2. Mức thanh toán cước phí:

a) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, thanh toán theo thực tế sử dụng nhưng không quá 250.000 đồng/máy/tháng đối với máy cố định tại cơ quan; Riêng máy điện thoại cố định phòng hành chính, bộ phận Một cửa, phòng tổng hợp không quá 400.000 đồng/máy/tháng.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thanh toán theo thực tế sử dụng nhưng không quá 300.000 đồng/máy/tháng đối với máy cố định tại cơ quan; Riêng máy điện thoại phòng hành chính, phòng tổng hợp tổng hợp, máy phục vụ hoạt động dịch vụ mức tối đa không quá 400.000 đồng/máy/tháng;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thanh toán theo thực tế sử dụng nhưng không quá 300.000 đồng/máy/tháng đối với máy cố định tại cơ quan; Riêng máy điện thoại phòng hành chính, phòng tổng hợp không quá 400.000 đồng/máy/tháng; Máy phục vụ hoạt động dịch vụ mức tối đa không quá 1.000.000 đồng/máy/tháng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc trang bị, quản lý, sử dụng và thanh toán cước phí điện thoại theo đúng quy định này, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định về trang bị, sử dụng điện thoại theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp kiểm tra, giám sát việc trang bị, thanh toán cước phí điện thoại theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định cho từng đối tượng.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 05/02/2002 về việc quy định trang bị, quản lý, sử dụng điện thoại di động, điện

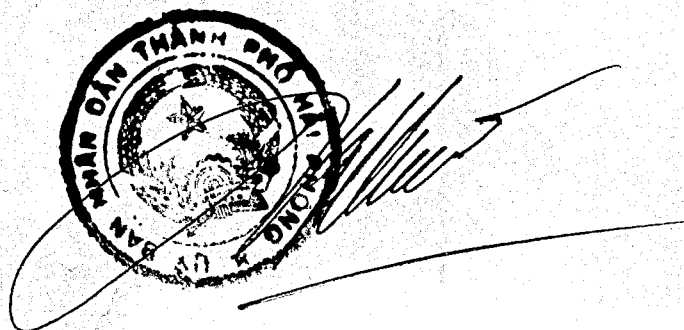
thoại cố định tại cơ quan và nhà riêng cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội thành phố Hải Phòng sử dụng ngân sách do nhà nước cấp; Quyết định số 2488/2006/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 về việc ban hành quy định trang bị, quản lý, sử dụng điện thoại cố định, điện thoại di động phục vụ công tác đối với đơn vị hành chính cấp xã và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CP, Thủ tướng Chính phủ ;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tư pháp (Cục KT. VBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 7;
- Đoàn ĐBQH tại HP;
- VP TU, VP HĐND TP;
- Các Ban TU, HĐND TP;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo HP; Đài PTTH HP;
- Công báo HP; Cổng TTĐT;
- Các phòng CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng